



BẢNG MINH HỌA QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung
MAP LIFE - BÌNH AN

MAP Life - Bình An - Lan tràn sức sống

Sản phẩm bảo hiểm Liên kết chung của Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir
Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir (“MAP Life”)

Trụ sở tại: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 28 2220 1050 – Hotline: 1900 6603

Website: map-life.com.vn

Email: dichvukhachhang@map-life.com.vn

Trung tâm dịch vụ khách hàng:

Trụ sở chính: Tầng 6A & tầng 8, tòa nhà Sài Gòn Giải Phóng,
436 – 438 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ,
TP. Hồ Chí Minh.

Chi nhánh Hà Nội: Tầng 9, tòa nhà Mặt Trời Sông Hồng,
23 Phan Chu Trinh, Phường Cửa Nam, Hà Nội.

*Giấy phép số: 31 GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 17/3/2005, điều chỉnh tại Giấy phép số 31/GPĐC10/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8/5/2018.
Vốn điều lệ: 2.158 tỷ VNĐ.*

Lĩnh vực kinh doanh: Bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm sức khỏe.

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung **MAP Life - Bình An**
MAP Life – Bình An – Lan tràn sức sống

Hãy chuẩn bị một nền tảng tài chính vững chắc, chủ động tích lũy và bảo vệ bản thân với Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An. Với Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An, bạn hoàn toàn tự tin đạt được những mục tiêu quan trọng của cuộc đời và bình an trước những trở ngại trong cuộc sống.

ĐẦU TƯ AN TOÀN

- Hưởng lãi suất ổn định từ Quỹ liên kết chung.
- Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó lên đến 33% Phí bảo hiểm cơ bản năm đầu quy năm.
- Quyền lợi đáo hạn bằng toàn bộ Giá trị tài khoản hợp đồng.

CHỦ ĐỘNG LỰA CHỌN KẾ HOẠCH BẢO HIỂM

- Thiết kế linh hoạt với 2 lựa chọn bảo vệ cơ bản và bảo vệ nâng cao.
- Quyền lợi đa dạng, phù hợp nhiều mục tiêu tài chính và bảo vệ.

BẢO VỆ TRỌN VẸN

- Bảo vệ toàn diện trước những rủi ro về tử vong, Thương tật toàn bộ vĩnh viễn.
- Hỗ trợ chi phí lên đến 10% Số tiền bảo hiểm (không vượt quá 30 triệu đồng) khi khách hàng nộp yêu cầu giải quyết Quyền lợi An tâm hậu sự.
- Hỗ trợ chi phí điều trị Thương tật toàn bộ vĩnh viễn do tổn thương cơ thể do Ung thư tuyến giáp từ Giai đoạn 1 đến Giai đoạn 3 lên đến 10% Số tiền bảo hiểm (không vượt quá 100 triệu đồng).
- Gia tăng bảo vệ cho các sự kiện trọng đại mà không cần thẩm định bảo hiểm.

Vui lòng truy cập đường dẫn để biết thêm thông tin:

- Công cụ tính toán và hướng dẫn sử dụng: <https://bangtinh.map-life.com.vn/MAPLifeBinhAn>
- Quy tắc điều khoản sản phẩm: <https://www.map-life.com.vn/product/map-life-binh-an>

TÓM TẮT BẢNG MINH HỌA SẢN PHẨM BẢO HIỂM LIÊN KẾT CHUNG MAP LIFE - BÌNH AN

1. Tóm tắt nội dung

Nội dung	Trang
I. Thông tin chung về Hợp đồng bảo hiểm	4
II. Thông tin chi tiết Hợp đồng bảo hiểm	6
III. Minh họa về phân bổ Phí bảo hiểm và các Quyền lợi bảo hiểm	9
IV. Phí bảo hiểm và các khoản phí của sản phẩm chính	24
V. Mô tả hoạt động của Quỹ liên kết chung	25
VI. Một số điểm cần lưu ý	26
VII. Loại trừ trách nhiệm bảo hiểm	26
VIII. Xác nhận của khách hàng và Tư vấn viên	28

2. Tóm tắt Giá trị tài khoản hợp đồng và Quyền lợi bảo hiểm (*)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Năm hợp đồng/ Tuổi NĐBH	Phí bảo hiểm lũy kế	Minh họa ở mức lãi suất đầu tư dự kiến: 5,0%/năm (không đảm bảo)	
		Quyền lợi bảo vệ	Giá trị tài khoản hợp đồng
3/36	60.000.000	1.944.304.000	44.304.000
6/39	120.000.000	2.005.824.000	105.824.000
9/42	180.000.000	2.073.983.000	173.983.000
12/45	240.000.000	2.149.596.000	249.596.000
15/48	300.000.000	2.233.614.000	333.614.000
18/51	360.000.000	2.326.446.000	426.446.000

(*) Minh họa trong trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm trong suốt Thời hạn đóng phí dự kiến sản phẩm chính, ở mức lãi suất dự kiến, Giá trị tài khoản hợp đồng của khách hàng sẽ lớn hơn tổng phí đóng của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An ở năm hợp đồng thứ 11.

Quyền lợi bảo vệ bao gồm Quyền lợi tử vong hoặc Thương tật toàn bộ vĩnh viễn (TV/ TTTBVV).

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Thông tin về khách hàng

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Số Giấy tờ tùy thân	Nghề nghiệp
Bên mua bảo hiểm (BMBH)	Khách Hàng Bảo Hiểm	Nữ	01/08/1991	34		Nhân viên làm việc tại văn phòng
Người được bảo hiểm chính	Khách Hàng Bảo Hiểm	Nữ	01/08/1991	34		Nhân viên làm việc tại văn phòng

2. Tóm tắt về sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên sản phẩm	Người được bảo hiểm (NĐBH)	Nhóm nghề	Mức thẩm định	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Số tiền bảo hiểm (STBH)	Phí bảo hiểm hàng năm
SẢN PHẨM CHÍNH						
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An - Lựa chọn nâng cao	Khách Hàng Bảo Hiểm	1	Chuẩn	66	1.900.000.000	20.000.000

Thời hạn đóng phí cơ bản dự kiến: **20 năm**
Định kỳ đóng phí dự kiến: theo Giấy yêu cầu bảo hiểm.

Thời hạn đóng phí bắt buộc: **3 năm**

PHÍ BẢO HIỂM THEO ĐỊNH KỲ ĐÓNG PHÍ	Năm	Nửa năm	Quý
Phí bảo hiểm cơ bản của sản phẩm chính (a)	20.000.000	10.000.000	5.000.000
Phí bảo hiểm của tất cả các sản phẩm đính kèm (b)	0	0	0
Phí bảo hiểm đóng thêm (c)	0	0	0
Tổng phí bảo hiểm dự kiến của sản phẩm chính và sản phẩm đính kèm (d) = (a) + (b) + (c)	20.000.000	10.000.000	5.000.000

Ghi chú:

- Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An là tên gọi thương mại của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung 2025 - Phiên bản tiết kiệm được Bộ Tài chính chấp thuận phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm và ban hành theo quyết định của Tổng Giám đốc Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Mirae Asset Prévoir.
- Kể từ Ngày kỷ niệm năm hợp đồng ngay sau khi NĐBH đạt 75 tuổi: HĐBH với Lựa chọn nâng cao sẽ được tự động chuyển sang Lựa chọn cơ bản.
- Thời hạn đóng phí bắt buộc của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An là 03 năm hợp đồng đầu tiên kể từ Ngày hiệu lực. Sau thời hạn này, khách hàng có quyền linh hoạt đóng phí. Tuy nhiên, khách hàng cần đóng phí đúng như dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.
- Thời hạn bảo hiểm (THBH) của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An bằng Thời hạn hợp đồng (THHĐ).
- THBH và Thời hạn đóng phí (THĐP) của (các) sản phẩm đính kèm (nếu có) bằng THHĐ của sản phẩm đó và không vượt quá THBH của sản phẩm chính.
- Phí bảo hiểm hàng năm của Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An trong tài liệu này được hiểu là Phí bảo hiểm cơ bản hàng năm. Phí bảo hiểm của tất cả sản phẩm đính kèm được minh họa cho năm hợp đồng đầu tiên. Phí bảo hiểm hàng năm của (các) sản phẩm đính kèm có thể thay đổi phụ thuộc vào độ tuổi của khách hàng và/hoặc năm hợp đồng của HĐBH đính kèm.

3. Thông tin về đại lý bảo hiểm

THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM TỔ CHỨC			
Tên của tổ chức:	Ngân hàng Thương mại	Địa chỉ:	Chu Văn An, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội
Nội dung được ủy quyền theo hợp đồng đại lý:	Tiếp thị, quảng bá quảng cáo, giới thiệu, tư vấn, chào bán bảo hiểm, phân phối và bán các sản phẩm bảo hiểm; giới thiệu khách hàng, thu xếp việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm, thu phí bảo hiểm; thu thập hồ sơ để phục vụ giải quyết bồi thường, trả tiền bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm; thực hiện các hoạt động khác được quy định rõ trong Hợp Đồng phù hợp với quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.		
Họ và tên Tư vấn viên:	UL2 Nữ TEST	Mã số đại lý:	60004670
Địa chỉ email của Tư vấn viên:	duong.chuminh@map-life.com.vn		
Số chứng chỉ đào tạo đại lý bảo hiểm của Tư vấn viên trong tổ chức trực tiếp thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm: TEST UL2 CERT			

II. THÔNG TIN CHI TIẾT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

1. Tóm tắt Quyền lợi bảo hiểm sản phẩm chính

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

SẢN PHẨM	TÊN QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN	MÔ TẢ NỘI DUNG QUYỀN LỢI
Dành cho NĐBH chính (Khách Hàng Bảo Hiểm)			
Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung MAP Life - Bình An	A. Quyền lợi bảo hiểm rủi ro (đảm bảo)		
	Quyền lợi tử vong	NĐBH tử vong trong thời gian hiệu lực của hợp đồng.	- Đối với lựa chọn cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa (1.900.000.000; Giá trị tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). - Đối với lựa chọn nâng cao: 1.900.000.000 cộng với Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
	Quyền lợi TTTBVV	NĐBH bị TTTBVV do mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc mù hoàn toàn.	
		TTTBVV do tổn thương cơ thể: NĐBH bị tổn thương cơ thể sau thời gian chờ (không bao gồm tổn thương cơ thể do Ung thư tuyến giáp).	
			Ung thư tuyến giáp từ Giai đoạn 1 đến Giai đoạn 3: 100.000.000
			Ung thư tuyến giáp giai đoạn 4 - Đối với lựa chọn cơ bản: Giá trị lớn hơn giữa (1.900.000.000; Giá trị tài khoản cơ bản) cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có). - Đối với lựa chọn nâng cao: 1.900.000.000 cộng với Giá trị tài khoản cơ bản cộng với Giá trị tài khoản đóng thêm (nếu có).
		TTTBVV do tổn thương cơ thể: NĐBH bị tổn thương cơ thể do Ung thư tuyến giáp sau thời gian chờ	

SẢN PHẨM	TÊN QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN	MÔ TẢ NỘI DUNG QUYỀN LỢI
	Quyền lợi An tâm hậu sự	Tử vong (Sự kiện TV xảy ra sau 01 năm kể từ Ngày hiệu lực/Ngày khôi phục hiệu lực gần nhất)	Ứng trước lên đến 30.000.000.
Giới hạn quyền lợi bảo hiểm đối với trẻ em: Trong trường hợp NĐBH TV hoặc bị TTTBVV trước khi tròn bốn (04) tuổi, STBH dùng để xác định Quyền lợi TV, Quyền lợi TTTBVV và Quyền lợi An tâm hậu sự sẽ được điều chỉnh như sau: dưới 01 tuổi: 20%; từ 01 tuổi đến dưới 02 tuổi: 40%; từ 02 tuổi đến dưới 03 tuổi: 60%; từ 03 tuổi đến dưới 04 tuổi: 80%.			
B. Quyền lợi đầu tư			
	Quyền lợi nhận lãi đầu tư tại mức lãi suất cam kết (đảm bảo)	HĐBH còn duy trì hiệu lực	Khoản tiền lãi đầu tư sẽ được cộng vào Giá trị tài khoản Cơ bản/ Đóng thêm với mức lãi suất công bố không thấp hơn lãi suất cam kết. Về Quyền lợi đầu tư, phí đem đi đầu tư và chính sách đầu tư được thông tin chi tiết tại mục III và V của tài liệu này.
	Quyền lợi nhận lãi đầu tư tại mức lãi suất dự kiến (không đảm bảo)		
C. Quyền lợi thưởng			
Quyền lợi thưởng đồng hành gắn bó (đảm bảo)	• Phí bảo hiểm (PBH) cơ bản được đóng đầy đủ trong suốt thời hạn xét thưởng; và • Không rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản trong suốt thời hạn xét thưởng; và • Hợp đồng luôn duy trì hiệu lực trong suốt thời hạn xét thưởng và tại thời điểm xét thưởng.	Ngày xét thưởng (Ngày cuối cùng của năm hợp đồng)	Quyền lợi chi trả (Tỷ lệ % PBH cơ bản năm đầu quy năm)
		Thứ 3 (kỳ 1)	3%
		Thứ 6 (kỳ 2)	4%
		Thứ 9 (kỳ 3)	5%
		Thứ 12 (kỳ 4)	6%
		Thứ 15 (kỳ 5)	7%
		Thứ 18 (kỳ 6)	8%

SẢN PHẨM	TÊN QUYỀN LỢI	SỰ KIỆN BẢO HIỂM/ ĐIỀU KIỆN	MÔ TẢ NỘI DUNG QUYỀN LỢI
	D. Quyền lợi khác (đảm bảo)		
	Quyền lợi đảm bảo duy trì hiệu lực	Trong Thời hạn đóng phí bắt buộc: - Đóng PBH cơ bản đầy đủ và đúng hạn; và - Không có giao dịch rút tiền từ Giá trị tài khoản cơ bản.	Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung được đảm bảo duy trì hiệu lực kể cả khi Giá trị tài khoản hợp đồng không đủ trừ khoản Phí rủi ro và Phí quản lý hợp đồng.
	Quyền lợi gia tăng bảo vệ cho các sự kiện trọng đại	Sự kiện: NĐBH Kết hôn/Sinh con/Nhận con nuôi hợp pháp/Con của NĐBH bắt đầu vào trường cấp 1/2/3, cao đẳng hoặc đại học (Sau Thời hạn đóng phí bắt buộc và trước khi NĐBH đạt 50 Tuổi và trong vòng 180 ngày kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện trên).	Yêu cầu tăng STBH mà không cần thẩm định bảo hiểm (tối đa là 50% và khoản tăng STBH không vượt quá 500 triệu đồng)
	Quyền lợi đáo hạn	Vào ngày đáo hạn, nếu HĐBH còn duy trì hiệu lực.	Giá trị tài khoản hợp đồng

III. MINH HỌA VỀ PHÂN BỐ PHÍ BẢO HIỂM VÀ CÁC QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

1. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm

a. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/34	20.000	14.000	1.911.470	-	-	11.470	1.470
2/35	20.000	17.000	1.926.149	-	-	26.149	18.149
3/36	20.000	18.000	1.942.688	-	600	42.688	36.688
4/37	20.000	20.000	1.960.943	-	-	60.943	56.943
5/38	20.000	20.000	1.979.459	-	-	79.459	77.459
6/39	20.000	20.000	1.998.526	-	800	98.526	98.526
7/40	20.000	20.000	2.016.923	-	-	116.923	116.923
8/41	20.000	20.000	2.035.416	-	-	135.416	135.416
9/42	20.000	20.000	2.054.993	-	1.000	154.993	154.993
10/43	20.000	20.000	2.073.710	-	-	173.710	173.710
11/44	20.000	20.000	2.091.574	-	-	191.574	191.574
12/45	20.000	20.000	2.110.625	-	1.200	210.625	210.625
13/46	20.000	20.000	2.128.490	-	-	228.490	228.490
14/47	20.000	20.000	2.146.297	-	-	246.297	246.297
15/48	20.000	20.000	2.165.415	-	1.400	265.415	265.415
16/49	20.000	20.000	2.181.633	-	-	281.633	281.633
17/50	20.000	20.000	2.197.574	-	-	297.574	297.574
18/51	20.000	20.000	2.214.787	-	1.600	314.787	314.787
19/52	20.000	20.000	2.230.016	-	-	330.016	330.016

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025

Trang 9/28 - 250815

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
20/53	20.000	20.000	2.244.768	-	-	344.768	344.768
21/54	-	-	2.237.027	-	-	337.027	337.027
22/55	-	-	2.228.476	-	-	328.476	328.476
23/56	-	-	2.219.122	-	-	319.122	319.122
24/57	-	-	2.208.987	-	-	308.987	308.987
25/58	-	-	2.198.062	-	-	298.062	298.062
26/59	-	-	2.186.265	-	-	286.265	286.265
27/60	-	-	2.173.433	-	-	273.433	273.433
28/61	-	-	2.159.343	-	-	259.343	259.343
29/62	-	-	2.143.660	-	-	243.660	243.660
30/63	-	-	2.126.079	-	-	226.079	226.079
31/64	-	-	2.106.352	-	-	206.352	206.352
32/65	-	-	2.084.334	-	-	184.334	184.334
33/66	-	-	2.059.927	-	-	159.927	159.927
34/67	-	-	2.033.107	-	-	133.107	133.107
35/68	-	-	2.003.788	-	-	103.788	103.788
36/69	-	-	1.971.671	-	-	71.671	71.671
37/70	-	-	1.936.284	-	-	36.284	36.284

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/34	20.000	14.000	1.911.656	-	-	11.656	1.656
2/35	20.000	17.000	1.926.880	-	-	26.880	18.880
3/36	20.000	18.000	1.944.304	-	600	44.304	38.304
4/37	20.000	20.000	1.963.855	-	-	63.855	59.855
5/38	20.000	20.000	1.984.094	-	-	84.094	82.094
6/39	20.000	20.000	2.005.824	-	800	105.824	105.824
7/40	20.000	20.000	2.027.488	-	-	127.488	127.488
8/41	20.000	20.000	2.049.868	-	-	149.868	149.868
9/42	20.000	20.000	2.073.983	-	1.000	173.983	173.983
10/43	20.000	20.000	2.097.950	-	-	197.950	197.950
11/44	20.000	20.000	2.122.740	-	-	222.740	222.740
12/45	20.000	20.000	2.149.596	-	1.200	249.596	249.596
13/46	20.000	20.000	2.176.221	-	-	276.221	276.221
14/47	20.000	20.000	2.203.755	-	-	303.755	303.755
15/48	20.000	20.000	2.233.614	-	1.400	333.614	333.614
16/49	20.000	20.000	2.263.081	-	-	363.081	363.081
17/50	20.000	20.000	2.293.492	-	-	393.492	393.492
18/51	20.000	20.000	2.326.446	-	1.600	426.446	426.446
19/52	20.000	20.000	2.358.793	-	-	458.793	458.793
20/53	20.000	20.000	2.392.038	-	-	492.038	492.038
21/54	-	-	2.385.771	-	-	485.771	485.771

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
22/55	-	-	2.378.707	-	-	478.707	478.707
23/56	-	-	2.370.855	-	-	470.855	470.855
24/57	-	-	2.362.237	-	-	462.237	462.237
25/58	-	-	2.352.845	-	-	452.845	452.845
26/59	-	-	2.342.596	-	-	442.596	442.596
27/60	-	-	2.331.327	-	-	431.327	431.327
28/61	-	-	2.318.816	-	-	418.816	418.816
29/62	-	-	2.304.728	-	-	404.728	404.728
30/63	-	-	2.288.757	-	-	388.757	388.757
31/64	-	-	2.270.657	-	-	370.657	370.657
32/65	-	-	2.250.282	-	-	350.282	350.282
33/66	-	-	2.227.535	-	-	327.535	327.535
34/67	-	-	2.202.391	-	-	302.391	302.391
35/68	-	-	2.174.765	-	-	274.765	274.765
36/69	-	-	2.144.357	-	-	244.357	244.357
37/70	-	-	2.110.698	-	-	210.698	210.698
38/71	-	-	2.073.081	-	-	173.081	173.081
39/72	-	-	2.030.597	-	-	130.597	130.597
40/73	-	-	1.982.311	-	-	82.311	82.311
41/74	-	-	1.927.340	-	-	27.340	27.340

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm PBH cơ bản và PBH đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), trước khi chi trả quyền lợi này, Công ty sẽ trừ đi các khoản khấu trừ theo QTĐK sản phẩm. Bên cạnh đó, quyền lợi TTTBVV được minh họa là TTTBVV do bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc mù hoàn toàn, TTTBVV do tổn thương cơ thể (không bao gồm tổn thương cơ thể do Ung thư tuyến giáp), TTTBVV do Ung thư tuyến giáp giai đoạn 4. Đối với TTTBVV do nguyên nhân Ung thư tuyến giáp từ giai đoạn 1 đến giai đoạn 3, Công ty sẽ chi trả giá trị nhỏ hơn giữa 10% STBH và 100 triệu đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), Cột 5 (“Khoản tiền rút”), Cột 6 (“Thưởng đồng hành gắn bó”), Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 8 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”) đã bao gồm khoản thưởng đồng hành gắn bó.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.
- Theo quy định của pháp luật, Lãi suất đầu tư minh họa được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Trong đó:

- **Lãi suất đầu tư cam kết**

Năm hợp đồng	1	2-5	6-10	11-15	16-20	Từ năm thứ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,5%	1,0%

- **Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:**

- Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 5,0%/năm.
- Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/34	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	518	2.446
2/35	20.000	-	20.000	3.000	-	3.000	17.000	-	17.000	542	2.583
3/36	20.000	-	20.000	2.000	-	2.000	18.000	-	18.000	566	2.765
4/37	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	590	2.978
5/38	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	614	3.236
6/39	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	638	3.525
7/40	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	662	3.844
8/41	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	686	4.178
9/42	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	710	4.528
10/43	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.862
11/44	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.227
12/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.591
13/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.956
14/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.366
15/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.807
16/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.278
17/50	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.794
18/51	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.357
19/52	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.995

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025

Trang 14/28 - 250815

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
20/53	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	9.694
21/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.408
22/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.137
23/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.851
24/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	12.535
25/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.219
26/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.978
27/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	14.890
28/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.014
29/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	17.458
30/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	19.190
31/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	21.150
32/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	23.232
33/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	25.389
34/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	27.547
35/68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	29.765
36/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	32.257
37/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	35.189
38/71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	35.716

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/34	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	518	2.446
2/35	20.000	-	20.000	3.000	-	3.000	17.000	-	17.000	542	2.583
3/36	20.000	-	20.000	2.000	-	2.000	18.000	-	18.000	566	2.765
4/37	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	590	2.978
5/38	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	614	3.236
6/39	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	638	3.525
7/40	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	662	3.844
8/41	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	686	4.178
9/42	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	710	4.528
10/43	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	4.862
11/44	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.227
12/45	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.591
13/46	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	5.956
14/47	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.366
15/48	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	6.807
16/49	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.278
17/50	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	7.794
18/51	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.357
19/52	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	8.995

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025

Trang 16/28 - 250815

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
20/53	20.000	-	20.000	-	-	-	20.000	-	20.000	720	9.694
21/54	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	10.408
22/55	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.137
23/56	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	11.851
24/57	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	12.535
25/58	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.219
26/59	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	13.978
27/60	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	14.890
28/61	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	16.014
29/62	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	17.458
30/63	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	19.190
31/64	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	21.150
32/65	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	23.232
33/66	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	25.389
34/67	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	27.547
35/68	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	29.765
36/69	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	32.257
37/70	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	35.189
38/71	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	38.790
39/72	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	43.257

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm

Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM

Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:

In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025

Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025

Trang 17/28 - 250815

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
40/73	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	48.605
41/74	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	54.774
42/75	-	-	-	-	-	-	-	-	-	360	27.029

Ghi chú:

Phí rủi ro đã bao gồm Phí rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

2. Minh họa trường hợp khách hàng đóng đủ Phí bảo hiểm dự kiến trong Thời hạn đóng phí bắt buộc

a. Minh họa về quyền lợi theo quy định tại Quy tắc điều khoản sản phẩm bảo hiểm

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết (đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/34	20.000	14.000	1.911.470	-	-	11.470	1.470
2/35	20.000	17.000	1.926.149	-	-	26.149	18.149
3/36	20.000	18.000	1.942.688	-	600	42.688	36.688
4/37	-	-	1.940.343	-	-	40.343	36.343
5/38	-	-	1.937.641	-	-	37.641	35.641
6/39	-	-	1.934.363	-	-	34.363	34.363
7/40	-	-	1.930.655	-	-	30.655	30.655
8/41	-	-	1.926.492	-	-	26.492	26.492
9/42	-	-	1.921.845	-	-	21.845	21.845
10/43	-	-	1.916.734	-	-	16.734	16.734
11/44	-	-	1.911.058	-	-	11.058	11.058
12/45	-	-	1.904.900	-	-	4.900	4.900

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Năm hợp đồng/ Tuổi	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư dự kiến (không đảm bảo)						
	Tổng Phí bảo hiểm dự kiến	Tổng Phí đem đi đầu tư	Quyền lợi tử vong/ TTTBVV	Khoản tiền rút	Thưởng đồng hành gắn bó	Giá trị tài khoản hợp đồng	Giá trị hoàn lại
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1/34	20.000	14.000	1.911.656	-	-	11.656	1.656
2/35	20.000	17.000	1.926.880	-	-	26.880	18.880
3/36	20.000	18.000	1.944.304	-	600	44.304	38.304
4/37	-	-	1.942.855	-	-	42.855	38.855
5/38	-	-	1.941.044	-	-	41.044	39.044
6/39	-	-	1.938.821	-	-	38.821	38.821
7/40	-	-	1.936.136	-	-	36.136	36.136
8/41	-	-	1.932.947	-	-	32.947	32.947
9/42	-	-	1.929.216	-	-	29.216	29.216
10/43	-	-	1.924.945	-	-	24.945	24.945
11/44	-	-	1.920.086	-	-	20.086	20.086
12/45	-	-	1.914.609	-	-	14.609	14.609
13/46	-	-	1.908.484	-	-	8.484	8.484
14/47	-	-	1.901.631	-	-	1.631	1.631

Ghi chú:

- Cột 2 (“Tổng Phí bảo hiểm dự kiến”) bao gồm PBH cơ bản và PBH đóng thêm minh họa ở đầu năm hợp đồng.
- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), trước khi chi trả quyền lợi này, Công ty sẽ trừ đi các khoản khấu trừ theo QTĐK sản phẩm. Bên cạnh đó, quyền lợi TTTBVV được minh họa là TTTBVV do bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể hoặc mù hoàn toàn, TTTBVV do tổn thương cơ thể (không bao gồm tổn thương cơ thể do Ung thư tuyến giáp), TTTBVV do Ung thư tuyến giáp giai đoạn 4. Đối với TTTBVV do nguyên nhân Ung thư tuyến giáp từ giai đoạn 1 đến giai đoạn 3, Công ty sẽ chi trả giá trị nhỏ hơn giữa 10% STBH và 100 triệu đồng.

- Cột 4 (“Quyền lợi tử vong/TTTBVV”), Cột 5 (“Khoản tiền rút”), Cột 6 (“Thưởng đồng hành gắn bó”), Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”), Cột 8 (“Giá trị hoàn lại”) minh họa ở cuối năm hợp đồng.
- Cột 7 (“Giá trị tài khoản hợp đồng”) đã bao gồm khoản thưởng đồng hành gắn bó.
- Trong thời gian Hợp đồng duy trì hiệu lực, BMBH có thể yêu cầu chấm dứt Hợp đồng trước Ngày đáo hạn để nhận Giá trị hoàn lại.
- Theo quy định của pháp luật, Lãi suất đầu tư minh họa được đánh giá trên cơ sở lãi suất đầu tư thực tế hàng năm sau khi trừ đi phí quản lý quỹ tương ứng. Mức lãi suất đầu tư minh họa không vượt quá 7%/năm. Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo, có thể tăng hoặc giảm phụ thuộc vào kết quả đầu tư thực tế của Quỹ liên kết chung và không có ý nghĩa là mức lãi suất này được đảm bảo cho khách hàng trong tương lai, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu.

Trong đó:

- **Lãi suất đầu tư cam kết**

Năm hợp đồng	1	2-5	6-10	11-15	16-20	Từ năm thứ 21 trở đi
Lãi suất cam kết tối thiểu (%/năm)	3,5%	3,0%	2,5%	2,0%	1,5%	1,0%

- **Lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa như sau:**

- Trong 20 năm hợp đồng đầu tiên: lãi suất đầu tư dự kiến được minh họa là 5,0%/năm.
- Từ năm hợp đồng thứ 21 trở đi: theo quy định của pháp luật thì lãi suất đầu tư dự kiến bằng mức lãi suất đầu tư cam kết.

b. Minh họa chi tiết Phí bảo hiểm và các chi phí

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư cam kết										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/34	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	518	2.446
2/35	20.000	-	20.000	3.000	-	3.000	17.000	-	17.000	542	2.583
3/36	20.000	-	20.000	2.000	-	2.000	18.000	-	18.000	566	2.765
4/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	590	2.978
5/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	614	3.236
6/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	638	3.525
7/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	662	3.844
8/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	686	4.178
9/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	710	4.528
10/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.862
11/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.227
12/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.591
13/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	540	4.392

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Đầu năm hợp đồng/ Tuổi	Mức lãi suất đầu tư dự kiến										
	Phí bảo hiểm			Phí ban đầu			PBH đem đi đầu tư			Các khoản khấu trừ	
	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng PBH dự kiến	PBH Cơ bản	PBH Đóng thêm	Tổng Phí ban đầu	PBH cơ bản sau khi trừ phí ban đầu	PBH đóng thêm sau khi trừ phí ban đầu	Tổng PBH đem đi đầu tư	Phí quản lý hợp đồng	Phí rủi ro
(1)	(2)	(3)	(4)=(2)+(3)	(5)	(6)	(7)=(5)+(6)	(8)	(9)	(10)=(8)+(9)	(11)	(12)
1/34	20.000	-	20.000	6.000	-	6.000	14.000	-	14.000	518	2.446
2/35	20.000	-	20.000	3.000	-	3.000	17.000	-	17.000	542	2.583
3/36	20.000	-	20.000	2.000	-	2.000	18.000	-	18.000	566	2.765
4/37	-	-	-	-	-	-	-	-	-	590	2.978
5/38	-	-	-	-	-	-	-	-	-	614	3.236
6/39	-	-	-	-	-	-	-	-	-	638	3.525
7/40	-	-	-	-	-	-	-	-	-	662	3.844
8/41	-	-	-	-	-	-	-	-	-	686	4.178
9/42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	710	4.528
10/43	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	4.862
11/44	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.227
12/45	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.591
13/46	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	5.956
14/47	-	-	-	-	-	-	-	-	-	720	6.366
15/48	-	-	-	-	-	-	-	-	-	180	1.457

Ghi chú:

Phí rủi ro đã bao gồm Phí rủi ro có điều chỉnh trong trường hợp Bảo hiểm có điều kiện (nếu có).

- 1. Phí bảo hiểm cơ bản:** là khoản PBH được BMBH lựa chọn tương ứng với STBH phù hợp với Bảng hệ số bảo hiểm.
- 2. Phí bảo hiểm đóng thêm:** là khoản PBH do BMBH đóng thêm ngoài PBH cơ bản.
- 3. Phí ban đầu:** được dùng để bù đắp chi phí liên quan tới việc khai thác hợp đồng bảo hiểm, chi phí vốn của Công ty. Được khấu trừ theo tỷ lệ phần trăm (%) PBH cơ bản và PBH đóng thêm theo bảng sau:

Phần PBH sau khi khấu trừ phần Phí ban đầu là phần phí đem đi đầu tư và được phân bổ vào Quỹ liên kết chung.

- 7. Phí chấm dứt hợp đồng trước hạn:** được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) của PBH cơ bản quy năm của Năm hợp đồng đầu tiên và áp dụng tại Năm hợp đồng khi Hợp đồng mất hiệu lực hoặc Năm hợp đồng khi Hợp đồng chấm dứt hiệu lực, tùy trường hợp nào xảy ra trước, cụ thể như sau:

- Đối với tài khoản đóng thêm: miễn phí.

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm
 Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM
 Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:
In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025
Thời hạn nộp bằng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025
Trang 24/28 - 250815

V. MÔ TẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

1. Tóm tắt chính sách đầu tư của Quỹ liên kết chung

- Công ty cam kết đảm bảo mục tiêu đầu tư là mang lại lợi nhuận tối đa có thể với chính sách đầu tư thận trọng, hiệu quả và phù hợp với các quy định hiện hành của pháp luật.
- Hiện nay, đối với nguồn vốn đầu tư từ Quỹ chủ hợp đồng bảo hiểm liên kết chung, Công ty đang thực hiện đầu tư chủ yếu vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và gửi tiền tại các tổ chức tín dụng.
- Vui lòng tham khảo Chính sách Quỹ liên kết chung tại Điều 20 QTĐK và Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm của Quỹ liên kết chung tại: www.map-life.com.vn/service/r/quy-lien-ket-chung

2. Lãi suất công bố trong 5 năm vừa qua của Quỹ liên kết chung

QUỸ LIÊN KẾT CHUNG	Lãi suất công bố (%/năm)	Phí quản lý quỹ
Năm 2020	6,0% - 6,3%	2%
Năm 2021	5,4% - 5,9%	2%
Năm 2022	5,4% - 5,8%	2%
Năm 2023	5,7% - 6,1%	2%
Năm 2024	5,1% - 5,7%	2%

Ghi chú: Lãi suất công bố nêu trên đã được khấu trừ Phí quản lý quỹ (2,0%).

VI. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

- Việc tham gia sản phẩm đính kèm không phải là điều kiện bắt buộc để tham gia sản phẩm bảo hiểm này.
 - BMBH cần tuân thủ các quy định tại HĐBH để bảo đảm quyền và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
 - BMBH và NĐBH phải kê khai thông tin đầy đủ, trung thực và thông báo khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng. Trường hợp BMBH/NĐBH (hoặc người đại diện theo pháp luật của NĐBH) cố ý cung cấp không đầy đủ thông tin hoặc cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết HĐBH để được bồi thường, trả tiền bảo hiểm thì Công ty có quyền hủy bỏ HĐBH. Trong trường hợp này, Công ty không phải bồi thường, trả tiền bảo hiểm và sẽ hoàn lại toàn bộ PBH đã đóng, không có lãi, cho BMBH sau khi trừ đi:
 - Các chi phí khám, xét nghiệm y khoa (nếu có); và
 - Các quyền lợi bảo hiểm đã thanh toán (kể cả quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm đính kèm) (nếu có).
- Ngoài ra, Công ty có quyền yêu cầu BMBH/NĐBH bồi thường thiệt hại phát sinh (nếu có).
- Việc giao kết HĐBH là một cam kết dài hạn, việc BMBH hủy bỏ HĐBH có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản tiền phí đã đóng.

VII. LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM

1. Các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

Công ty sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm tạm thời, Quyền lợi TV, Quyền lợi TTTBVV, nếu thuộc bất kỳ một trong những trường hợp sau:

- NĐBH tử vong do tự tử trong thời hạn 02 năm kể từ (i) Ngày nộp khoản phí bảo hiểm đầu tiên hoặc (ii) Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất, tùy vào ngày nào đến sau. Đối với phần tăng thêm của STBH, thời hạn áp dụng trường hợp loại trừ này là 02 năm kể từ ngày Công ty phát hành văn bản chấp thuận yêu cầu tăng STBH đó;
- NĐBH tử vong do lỗi cố ý của BMBH hoặc lỗi cố ý của Người thụ hưởng, trừ trường hợp quy định tại Mục VII.4;
- NĐBH bị TTTBVV do lỗi cố ý của chính bản thân NĐBH hoặc BMBH hoặc Người thụ hưởng, trừ trường hợp quy định tại Mục VII.4;
- NĐBH tử vong do thi hành án tử hình;
- NĐBH TV hoặc TTTBVV do Bệnh có sẵn (ngoại trừ Bệnh có sẵn có trước đã được kê khai trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, hồ sơ yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng, và được Công ty chấp nhận bảo hiểm);
- NĐBH TV hoặc TTTBVV do tham gia hoạt động đóng thế mạo hiểm, hoạt động thể thao chuyên nghiệp, hoạt động nguy hiểm bao gồm: đua ngựa, đua xe, trượt tuyết, trượt băng, leo núi, lặn, nhảy bungee (là hoạt động mạo hiểm nhảy từ một điểm cố định trên cao, chân người nhảy được giữ bằng một sợi dây co giãn), các chuyến bay trên không mà không phải với tư cách là hành khách trên chuyến bay chở khách thương mại thường xuyên theo lịch trình cụ thể của hãng hàng không (ví dụ như dù lượn, khinh khí cầu và nhảy dù);

- g) NĐBH TV hoặc TTTBVV do tham gia chiến tranh (có tuyên bố hay không tuyên bố), các hoạt động khủng bố, nổi loạn, phóng xạ hoặc nhiễm phóng xạ (ngoại trừ việc phóng xạ/chiếu xạ theo chỉ định của bác sĩ để điều trị);
- h) NĐBH TV hoặc TTTBVV do điều khiển xe vượt quá tốc độ quy định theo pháp luật về trật tự an toàn, giao thông đường bộ từ 5km/giờ (5 cây số trên 1 giờ) trở lên hoặc trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá trị số bình thường theo hướng dẫn của Bộ Y tế;
2. Trong trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với quyền lợi bảo hiểm tử vong quy định tại Quyền lợi TV, Hợp đồng sẽ chấm dứt hiệu lực và Công ty sẽ trả lại Giá trị tài khoản hợp đồng được xác định vào Ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm.
Trước khi chi trả cho quyền lợi tại điều này, Công ty sẽ trừ đi:
- Khoản nợ (nếu có); và
 - Quyền lợi An tâm hậu sự mà Công ty đã chi trả (nếu có); và
 - Tất cả các quyền lợi bảo hiểm đã được chi trả từ sau thời điểm NĐBH tử vong (nếu có).
3. Trong trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với quyền lợi TTTBVV như quy định tại Quyền lợi TTTBVV, BMBH có thể tiếp tục đóng phí bảo hiểm để duy trì Hợp đồng. Khi đó, Hợp đồng bảo hiểm vẫn tiếp tục duy trì hiệu lực và Công ty vẫn chi trả Quyền lợi tử vong nếu NĐBH đáp ứng các điều kiện chi trả theo QTĐK sản phẩm này.
4. Trong trường hợp Hợp đồng có nhiều hơn một Người thụ hưởng và một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra các hành vi phạm tội đối với NĐBH dẫn đến NĐBH TV hoặc TTTBVV, Công ty vẫn chi trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng còn lại theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ đã được chỉ định trong Hợp đồng.

VIII. XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TƯ VẤN VIÊN

XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG	XÁC NHẬN CỦA TƯ VẤN VIÊN
Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa quyền lợi sản phẩm bảo hiểm này, Tôi xác nhận đã được Tư vấn viên có tên và mã số như trong tài liệu này tiến hành phân tích nhu cầu, đánh giá mức độ chấp nhận rủi ro, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi, Bên mua bảo hiểm, xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia các sản phẩm bảo hiểm nêu trên. Tôi xác nhận đã được giải thích đầy đủ và hiểu rõ nội dung các trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm được nêu tại mục LOẠI TRỪ TRÁCH NHIỆM BẢO HIỂM của Bảng minh họa quyền lợi bảo hiểm này. Tôi hiểu rằng việc tham gia sản phẩm bảo hiểm nhân thọ không phải là điều kiện bắt buộc để được thực hiện các hoạt động, dịch vụ tài chính tại tổ chức tín dụng hoặc tổ chức, đơn vị khác. Tôi chắc chắn rằng Hợp đồng bảo hiểm này đáp ứng được các nhu cầu và khả năng tài chính của mình. Nếu Tôi muốn được cung cấp thêm thông tin hoặc làm rõ thêm về sản phẩm, Tôi sẽ liên hệ với Tư vấn viên hoặc MAP Life. ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.	Tôi, Tư vấn viên ký tên dưới đây, cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho Khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm và nội dung Bảng minh họa này. Tôi cam kết rằng Tôi không tư vấn, giới thiệu, chào bán, thu xếp việc giao kết Hợp đồng bảo hiểm này cho Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm trong thời hạn 60 ngày trước và 60 ngày sau ngày giải ngân toàn bộ khoản vay của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm. Tôi cam kết rằng Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm tham gia sản phẩm bảo hiểm này không phải là điều kiện bắt buộc để sử dụng các sản phẩm, dịch vụ khác của Tổ chức nơi tôi đang làm việc (là Đại lý bảo hiểm tổ chức của MAP Life). Đồng thời, Tôi cũng cam kết rằng Tổ chức nơi tôi đang làm việc không gán việc bán sản phẩm bảo hiểm này với việc cung ứng sản phẩm, dịch vụ ngân hàng dưới mọi hình thức. ☒ Tôi/chúng tôi đã đọc, hiểu rõ và đồng ý với các cam kết.
Chữ ký: <i>Ký, ghi rõ họ tên - đóng dấu công ty nếu là Công ty</i> Họ và tên: Khách Hàng Bảo Hiểm Ngày/tháng/năm: 01/08/2025	Chữ ký: <i>Ký và ghi rõ họ tên</i> Họ và tên: UL2 Nữ TEST Mã số: 60004670 Ngày/tháng/năm: 01/08/2025

Bên mua bảo hiểm: Khách Hàng Bảo Hiểm
Tư vấn viên: UL2 Nữ TEST - Mã số: 60004670 - Văn phòng: HCM
Bảng minh họa này chỉ có giá trị sử dụng khi đầy đủ số trang

Minh họa số:
In lúc: 10:33, ngày 01/08/2025
Thời hạn nộp bảng minh họa về công ty tối đa là: 10:33, ngày 31/08/2025
Trang 28/28 - 250815